

NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC LĂNG DINH HƯƠNG TẠI HIỆP HÒA, BẮC GIANG

SCLUPTURE ART OF DINH HUONG TOMB OF HIEP HOA, BAC GIANG

*Vũ Văn Hiệp**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 02/11/2020

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 04/5/2021

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/5/2021

Tóm tắt: Thế kỷ XVIII là giai đoạn phát triển phong phú đặc sắc về thể loại, loại hình, cũng như mức độ hoàn thiện, của ngôn ngữ biểu đạt kiến trúc và điêu khắc cổ Việt Nam. Nếu như ở thế kỷ (XI-XIV), nghệ thuật điêu khắc chủ yếu phục vụ trong phạm vi ngôi chùa, thế kỷ XV là các lăng mộ nhà Lê sơ thì sang thế kỷ XVII, XVIII đã có đầy đủ các loại hình chính như đình, chùa, đền, lăng và các tiểu kiến trúc khác. Sự định hình hoàn chỉnh về cấu trúc cũng như nhu cầu mạnh mẽ về tín ngưỡng đã khiến lăng mộ trở thành một diện mạo nổi bật của thế kỷ XVII - XVIII. Thời kỳ này đã có rất nhiều lăng mộ đã được xây dựng, trong đó hệ thống lăng mộ ở Hiệp Hòa, Bắc Giang nói chung, lăng Dinh Hương nói riêng là một kho tàng nghệ thuật kiến trúc - điêu khắc ngoài trời rất có giá trị. Những biến động của lịch sử, sự tàn phá của chiến tranh, sự khắc nghiệt của thời tiết, thời gian cùng sự vô thức của con người, đặc biệt việc đào trộm mộ cổ, xâm lấn đất đai di tích diễn ra thường xuyên dẫn đến lăng mộ đang bị tàn phá, hư hại nghiêm trọng. Vì vậy việc bảo tồn, trùng tu các công trình điêu khắc, kiến trúc cổ là điều cấp thiết hơn bao giờ hết.

Bài viết nhằm làm rõ những giá trị độc đáo của nghệ thuật điêu khắc trang trí kiến trúc của lăng Dinh Hương Hiệp Hòa Bắc Giang, góp phần bảo tồn gìn giữ, phát huy những tinh hoa của nghệ thuật truyền thống dân tộc.

Từ khóa: Nghệ thuật điêu khắc, Lăng Dinh Hương, bảo tồn, trùng tu, nghệ thuật truyền thống dân tộc.

Abstract: The eighteenth century was a period of unique and rich development in terms of genre, type, as well as degree of perfection of expressive language of ancient Vietnamese architecture and sculpture. If in the XI-XIV century, the art of sculpture mainly served in the pagoda, and in the tombs of the Le dynasty in the 15th century, then in the 17th-18th centuries, it was served in all communal house, pagoda, temple, tombs and other small structures. The complete shaping of the structure as well as the strong need for beliefs made the tomb a prominent appearance of the 17th-18th centuries. During this period, many tombs were built, in which the tomb system in Hiep Hoa, Bac Giang in general, Dinh Huong tomb in particular is a valuable architectural and artistic treasure of outdoor sculpture. The upheaval of history, the devastation of war, the severity of weather, time and human unconsciousness, especially the

* Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

theft of ancient tombs, and regular land encroachment on relics cause the tombs to be destroyed and seriously damaged. Therefore, the preservation and restoration of ancient sculptures and architecture becomes more urgent than ever. The article aims to clarify the unique values of the architectural decorative sculpture art of Dinh Huong Tomb of Hiep Hoa, Bac Giang and contribute to preserving and promoting the quintessence of the national traditional art.

Keywords: *Sculpture art, Dinh Huong Tomb, preservation, restoration, the national traditional art.*

Điều khắc: là một nhánh của nghệ thuật thị giác hoạt động trong không gian ba chiều. Đó là một trong những nghệ thuật tạo hình. Các quy trình điêu khắc bền bỉ ban đầu sử dụng chạm khắc (loại bỏ vật liệu) và mô hình hóa (bổ sung vật liệu, như đất sét), trong đá, kim loại, gốm sứ, gỗ và các vật liệu khác, nhưng từ thời Hiện đại, với tự do gần như hoàn toàn của vật liệu sử dụng và quá trình sáng tạo. Một loạt các vật liệu có thể được gia công bằng cách loại bỏ, chẳng hạn như chạm khắc, lắp ráp bằng cách hàn hoặc mô hình hóa, hoặc nung khuôn hoặc đúc. (*Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*)

Lăng mộ: (hay **lăng tẩm, lăng**) là một công trình kiến trúc ngoài trời được xây dựng bao quanh nơi chôn cất người chết. Với người Á Đông lăng mộ là nơi chôn cất của vua chúa hoặc quan lại cấp cao thời phong kiến.

I. Đặt vấn đề

Thế kỷ XVII-XVIII là giai đoạn các công trình điêu khắc tôn giáo, tín ngưỡng như đình, chùa, lăng, miếu, nhà thờ họ... đều mang yếu tố tín ngưỡng bản địa làm chủ đạo. Nghệ thuật điêu khắc đã được các nghệ sỹ dân gian tài hoa thổi vào một luồng sinh khí mới, với nét chạm tự do, bay bổng và giàu tính sáng tạo. Đây là thời kỳ, trình độ nghệ thuật kiến trúc lăng mộ và chế tác đá đạt đến đỉnh cao. Ngày nay mặc dù đã có có nhiều di tích lăng mộ bị phá hủy bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, bị bom đạn tàn phá trong chiến tranh, do việc bài trừ mê tín dị đoan một cách thái quá hoặc không được

giữ gìn, bảo quản một cách chu đáo. Song, Hiệp Hòa vẫn được coi là nơi lưu giữ nhiều di tích lăng mộ nổi tiếng còn khá nguyên vẹn đến ngày nay, với quy mô lớn và nghệ thuật tạo hình tinh tế, tiêu biểu cho hệ thống kiến trúc và điêu khắc giai đoạn này.

Điêu khắc tượng người và tượng thú ở lăng mộ thế kỷ XVIII với kỹ thuật điêu luyện, chạm trổ công phu, đề tài khá đa dạng và phong phú, tiếp nối nền nghệ thuật truyền thống cổ truyền của cha ông. Người nghệ sỹ dân gian với khối óc sáng tạo và đôi bàn tay khéo léo của mình đã truyền tải được ý niệm và khát vọng của chủ nhân vào những khối đá tưởng như vô tri, vô giác, khô khan ấy trở thành những tác phẩm đầy bí ẩn, sống động, có sức lôi cuốn kỳ diệu đối với người chiêm nghiệm. Nổi bật và thành công hơn cả của điêu khắc thế kỷ XVIII đó là khuynh hướng hiện thực, khắc sâu tính cách nhân vật. Khuynh hướng này cần sự sắc nét, chắc tay ở từng chi tiết nhưng lại không làm tách bạch, mâu thuẫn trong tổng hòa, tương quan chung, đó cũng là những đặc điểm nổi trội trong điêu khắc, chạm khắc trang trí ở lăng Dinh Hương, mang dấu ấn đậm nét của phong cách điêu khắc thế kỷ XVIII.

Ở lăng Dinh Hương, nghệ thuật điêu khắc được chia làm hai loại:

- Nghệ thuật tượng tròn
- Nghệ thuật chạm khắc trên kiến trúc, điêu khắc.

Mỗi một loại hình điêu khắc lại có cách biểu đạt những giá trị sử dụng và

thâm mỹ riêng, song chúng đều thống nhất với mục đích chung để biểu đạt những giá trị tinh thần, ý niệm sâu sắc của chủ nhân lăng mộ.

II. Cơ sở lý thuyết

Bài viết sử dụng lý thuyết: *Vùng văn hóa*, làm lý thuyết nghiên cứu chính.

Lý thuyết Vùng văn hóa là khu vực văn hóa chỉ một không gian địa lý - lịch sử đồng nhất, mà sự hình thành của nó cơ bản dựa trên việc tổ hợp các yếu tố văn hóa được chia sẻ và lan truyền. Cụ thể không gian phát hiện đối tượng nghiên cứu là tại Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng những phương pháp nghiên cứu chính sau:

- Phương pháp khảo cứu thực địa
- Phương pháp lịch sử
- Phương pháp đối chiếu so sánh
- Phương pháp mỹ thuật học

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Các loại hình điêu khắc đá Lăng Đình Hương.

4.1.1. Điêu khắc tượng tròn.

Thuật ngữ “điêu khắc” mang nhiều ý nghĩa khác nhau, có nguồn gốc từ tiếng Latin *sculperere*, nghĩa là cắt bỏ, chạm trổ. Còn ngữ nghĩa của người Hi Lạp cổ điển khắc bao gồm cả quá trình làm khuôn, đổ tượng với những chất dẻo như đất sét hoặc sáp để tạo ra những hình thể theo dạng phù điêu hay tượng tròn.

Vì vậy, nghệ thuật điêu khắc tượng tròn là nghệ thuật 3 chiều. Trong các loại hình nghệ thuật 3 chiều, chiều thứ 3 là chiều sâu. Chiều này là kết quả của khả năng nhìn nhận hiện thực và nó trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả của tác phẩm.

Trong thực tế, mỗi một tác phẩm hội họa thường bị giới hạn bởi mặt phẳng 2 chiều, trong khi loại hình mỹ thuật 3 chiều chỉ bị giới hạn bởi các tư thế hay các góc nhìn khác nhau. Các tác phẩm điêu khắc mặc dù khá phức tạp nhưng lại tạo nên sự tự do rộng rãi cho cả người sáng tác cũng như công chúng thưởng ngoạn.

Hầu hết những tác phẩm điêu khắc ở thể tượng tròn đòi hỏi sự hoàn thiện ở tất cả các góc cạnh, vị trí, và nó mang yếu tố động.

Vậy điều *khắc tượng tròn* chính là điêu khắc không gian đa chiều. Ngôn ngữ biểu đạt là khối trong không gian, nó mang yếu tố động năng, theo ngữ nghĩa của nó có thể hiểu là sự chuyển động bao gồm cả hình thức lẫn chủ đề - chủ đề của tác phẩm luôn thay đổi và hình thành những mối quan hệ mới liên tục, không bao giờ chấm dứt với không gian. Với một bức tượng tròn đơn thuần, khi quan sát phải di chuyển xung quanh bức tượng đó. Do đó, điêu khắc tượng tròn được vận hành theo cơ chế động năng, cơ chế của một chiếc cối xay gió luôn thay đổi phức tạp theo không gian và thời gian. Vì vậy một tượng tròn có thể quan sát ở nhiều góc độ khác nhau.

4.1.2. Tượng người.

- *Quan võ cầm trùy.*

Trong lăng Đình Hương, ngoài các hạng mục như; bệ, sập, ngai thờ... còn có cả một hệ thống tượng người và tượng thú xếp thành từng đôi một đối xứng nhau. Các tượng này được tạo tác bằng đá, có kích thước tương tự như kích thước thực, tạo liên tưởng tới cảnh phục dịch khi nhân vật được thờ lúc còn sống. Ngay khi tới cổng lăng Đình Hương. Hướng đối mặt với khu mộ phần, ở hai bên tả, hữu của cổng lăng có đặt một cặp tượng võ quan cầm trùy. Tượng cao tới 1,8m, bờ vai rộng 0,5m. Cả hai vị võ tướng đầu đội mũ, sắc

mặt nghiêm nghị, lông mày rậm, râu dài tới ngực, tay nắm chặt trùy đặt chéo thân, vận áo thụng dài, thắt đai lớn có chạm khắc mặt hổ phù. Cả hai vị võ quan đều đi chân đất.

Hai vị võ quan này được tạc bằng những khối đá nguyên khối hình chữ nhật, cân xứng theo một trục, hai cánh tay ép sát vào thân, nên phần nào gây cảm giác gò bó, cứng nhắc về mặt bố cục. Nhờ tư thế cao, thấp của hai cánh tay, kết hợp với nếp áo thụng chây dài hai bên vai xuống ống tay áo và đặc biệt là chòm râu dài đã làm cho bức tượng võ quan bớt đi ít nhiều vẻ khô cứng. Đặc điểm chung giống nhau của hai vị võ quan này là ở tư thế đứng, kiểu cách cầm trùy, trang phục, qui tắc đối xứng và đặc biệt là hoàn toàn lệ thuộc vào những khối đá hình chữ nhật nguyên khối. Đây cũng là tinh thần chung của tất cả các tượng võ quan gác cổng lăng mộ thời kỳ này. Phải chăng các nghệ sỹ không muốn đi sâu vào các chi tiết hay tách khối thành những đơn vị nhỏ hơn, bởi yếu tố kết cấu và tính vững bền theo thời gian, sự khắc nghiệt của thời tiết và sự tác động vô thức của con người.

Về đặc điểm riêng của hai vị võ quan cũng có nhiều nét khác biệt. Viên võ quan bên trái trông có vẻ trẻ hơn, khuôn mặt đầy đặn, quắc thước, dáng mạo cũng cao to hơn. Ngay cả cách ăn vận cũng đẹp đẽ hơn vị quan còn lại.

- Võ quan dắt ngựa.

Điều khắc lăng nói chung, dù là tượng người hay thú thì đề tài phổ biến vẫn là tượng người, ngựa, voi, nghê, sấu... thường được chạm ở dạng tĩnh lặng, nghiêm trang, đứng đơn chiếc độc lập. Nhưng tượng ở lăng Dinh Hương lại là một trong số ít các trường hợp ngoại lệ. Các tượng này được bố trí thành nhóm đặt cạnh nhau. Điển hình nhất là cặp tượng quan hầu và ngựa. Nhóm tượng này cũng tìm thấy sự tương đồng nhất định với cặp

tượng ở lăng Phạm Đôn Nghị (Hoài Đức, Hà Nội).

Quan võ dắt ngựa là cặp tượng đá đứng châu đối diện nhau trước khu mộ phần quận công. Hai vị võ tướng đều cao 1,49m, đường kính thân 0,39m, được tạc bằng đá nguyên khối đứng cách nhau 4,87m. Cả hai tượng đều trong tư thế một tay nắm đốc kiếm, một tay nắm dây cương ngựa. Trang phục của hai vị bao gồm mũ phía sau có khăn che gáy, áo quân thụng dài, chân đi đất.

Về bố cục hai khối tượng hoàn toàn giống nhau trong tư thế đối diện nhưng chi tiết lại có nhiều điểm khác nhau: ví dụ kiểu mũ, độ dài của quần... và đặc biệt trong cách khắc họa khuôn mặt, tính cách, tuổi tác của hai vị được bộc lộ rõ. Tượng võ quan đeo gươm dắt ngựa phía bên trái có khuôn mặt nhỏ, râu dài, trông già, nét mặt nghiêm nghị, mắt hướng thẳng ra phía trước, võ quan đeo gươm dắt ngựa phía bên phải trông cao lớn, trẻ hơn, dáng oai vệ. Khuôn mặt to, hàm rộng, toát lên vẻ đạo mạo, phi phàm.

Tuy cách tạo hình dựa trên những khối đá liền to khỏe song khối tượng lại có vẻ sinh động bởi sự phối hợp hài hòa của những đường cong mềm trên lưng, móng, cổ ngựa với đường thẳng của người và đường chéo của kiếm. Khối tượng đơn giản nhưng khúc chiết. Ở đây được người nghệ sỹ vận dụng giữa điều khắc với chạm khắc để tạo sự sống động cho tượng: cách tạo nếp gấp của áo người, những trang trí bên mình ngựa như bờm, yên cương, chuông nhạc. Sự tinh tế, tỉ mỉ trong nghệ thuật chạm khắc làm cho khối tượng trở nên thực. Khối đá vô tri vô giác bỗng trở nên có sức sống, có linh hồn.

So sánh tỷ lệ chung giữa nhóm tượng ở lăng Dinh Hương với lăng Phạm Đôn Nghị, có thể nhận thấy: tượng người

o lăng Dinh Hương có kích thước cân đối, hài hòa so với kích thước tượng ngựa, trái lại, ở lăng Phạm Đôn Nghị tượng người có tỷ lệ kích thước lớn hơn so với tượng quan chung. Về mặt điêu khắc chân dung nhân vật, tính chất võ quan của các pho tượng này đều được thể hiện được một cách khá rõ ràng. Việc chú ý đến đặc điểm chân dung nhân vật cũng là một nét rất đặc trưng của nghệ thuật điêu khắc thế kỷ XVII- XVIII, mà ở đây các bức tượng này được thừa hưởng.

So với các lăng quan lại khác trong thế kỷ XVIII, lăng Bàu, lăng Cẩm Bào, lăng Nội Tròn (Hiệp Hoà, Bắc Giang), lăng họ Đỗ, lăng Nguyễn Diễm (Tiên Sơn, Bắc Ninh), lăng Phạm Đôn Nghị (Hoài Đức, Hà Nội), lăng Đoàn Văn Khôi (Ứng Hòa, Hà Nội)... thì nhóm tượng quan hầu dất ngựa ở lăng Dinh Hương được coi là kiệt tác của nghệ thuật chạm khắc đá. Hình tượng này được xuất hiện khá phổ biến trên các lăng mộ thời Lê-Trịnh nhưng đa phần mang khuynh hướng tự nhiên, ít trang trí. Các tượng thường được chú trọng vào cách tạo khối trên thân, khiến con vật trở nên đậm chất hiện thực. Đồng thời, việc thực hiện một số mảng chạm khắc tỉ mỉ và mang tính cách điệu cao như phần yên cương, bờm của ngựa ở lăng Dinh Hương, đã làm hình thức điêu khắc hiện thực này trở nên độc đáo.

- Tượng nữ quan hầu.

Phía trong cùng khu thờ tự có hai tượng nữ quan đứng hầu quay mặt vào nhau, mang vóc dáng và dung mạo sống động như nguyên mẫu đời thường, đứng đẳng đối hai bên trước ban thờ. Theo hướng tay mặt. Nữ quan đứng phía trước tay trái tay cầm tráp, còn nữ quan đứng phía tay phải lăng tay cầm quạt. Cả hai tượng đều cao 0,9m, rộng 0,39m, dày 0,38m. Tất cả trong trang phục áo vải dài, phủ kín vai và gáy, chân đi

đất. Cổ áo khá đẹp được chạm hình lá sen mềm mại với những đường lượn, nếp vải trùn xuống ngực và vai. Ấn tượng nhất là chiếc mũ được cách điệu như những lọn tóc buông mềm xuống bờ vai.

Trước hết có thể nhận thấy tượng có dáng thấp lùn do cách tạo hình chân ngắn. Trong dáng đứng ngay ngắn, nghiêm trang, cung kính bức tượng vẫn toát lên vẻ sinh động nhờ cách tạo hình chiếc quạt với hình dáng của chiếc lá bàng với sống và gân lá nổi cao. Chính đường cong tự nhiên của chiếc quạt đã che bớt một bên cánh tay, giảm bớt sự đơn điệu của bức tượng. Tuy dáng đứng, trang phục có giống nhau nhưng sự khác nhau về vật dụng của mỗi người, với dáng tay, cách tạo hình khối tượng đã tạo nên sự thay đổi vui mắt hơn. Toàn bộ bức tượng được cách điệu từ tỉ lệ cơ thể, trang phục, vật dụng thì duy nhất khuôn mặt tượng lại mang tính chân dung, được tả kỹ với khối thực của mắt, mũi, miệng gần với người.

Như vậy có thể thấy trong thể loại tượng nữ quan, ở lăng Dinh Hương nói riêng và huyện Hiệp Hoà nói chung tính giản dị, đời thường thể hiện rõ trong cách tạo hình, trang phục, tỉ lệ. Sang đến vùng khác của Bắc Giang tính cầu kỳ, phô trương lại lần ất.

4.1.3. Tượng thú.

Trong nghệ thuật điêu khắc lăng mộ, bên cạnh tượng người còn có tượng thú như: chó, voi, nghê, lân, hổ, ngựa... cũng được sắp đẳng đối hai bên đường thần đạo với tinh thần chung của điêu khắc lăng mộ là nghiêm trang và cung kính. Tuy đa dạng về chủng loại song chúng thuộc hai nhóm:

- Những con thú thật: chó, voi, ngựa, hổ...

- Những con thú huyền thoại: Nghê, sấu, lân...

Vị trí của những con thú này trong lăng không cố định mà thay đổi tùy từng lăng. Nhưng thông thường tượng chó đứng hoặc ngồi phía ngoài hai bên cổng lăng hoặc cổng mộ. Tượng nghê được đặt trước hương án. Còn tượng ngựa thì đứng cạnh quan hầu...

- *Tượng ngựa.*

Ngựa là con vật có nhiều ý nghĩa, là phương tiện vận chuyển gần gũi với con người. Về ý nghĩa biểu trưng, ngựa là hình ảnh tượng trưng cho sự uy nghi, oai vệ. Trong các đình đền, tượng ngựa trắng là con vật biểu tượng cho sự cao quý, linh thiêng, gắn với thần linh, là chỗ dựa tinh thần của cả dân làng. Trong cuộc sống, ngựa là con vật kéo xe hoặc cưỡi. dùng trong chiến trận, săn bắn và du hành. Theo quan niệm của Phật giáo, ngựa được coi là con vật chở pháp đến với chúng sinh, voi là con vật trung thành, trí tuệ, sức mạnh như nước.

Ở phương Đông cũng như phương Tây, ngựa được gán cho những phẩm chất của sự thanh khiết, cao quý và khôn ngoan. Đặc biệt ở Trung Quốc người ta rất coi trọng ngựa, đánh giá nó rất cao vì nó liên quan đến việc thi cử. Các văn nhân chuẩn bị cho môn đồ của mình đi thi được gọi là “mã sư”, còn bản thân các học trò được gọi là “mã sinh”. Dưới thời Lê sơ ở Việt Nam, các học trò trường Quốc Tử Giám cũng được gọi là mã sinh, và khi họ đỗ tiến sĩ thì được vua ban thưởng và cho cưỡi ngựa về thăm quê.

“Ở lăng mộ, tượng ngựa thường đứng cạnh tượng quan hầu có ý nghĩa gọi cảnh phục dịch những vị quan lại như khi còn sống. Các tượng ngựa thường được đặt bên cạnh các tượng voi ở các lăng mộ, đền thờ. Đó là những con vật có sức mạnh về thể chất, ngoài ra, nó còn hàm chứa ý nghĩa tinh thần, tâm linh”

Trong sáu lăng mộ ở Hiệp Hòa, Bắc Giang, bốn lăng có tượng ngựa đứng cạnh quan hầu là lăng Dinh Hương, lăng họ Ngô, lăng Nội Dinh và lăng Bàu. Song có lẽ đẹp nhất vẫn là cặp tượng quan hầu dắt ngựa trong lăng Dinh Hương. Theo đánh giá của tác giả Phan Cẩm Thượng và Nguyễn Quân, thể loại tượng này “là kiệt tác đặc sắc trong các lăng mộ”, được chạm liền khối mà tưởng như hai phần tách biệt. Ngựa cúi đầu yên lặng, thẳng bốn chân, đầy đủ yên cương, phủ vải bông gù, nhạc cầu kỳ. Quan hầu đội mũ che tai, áo thụng quần chùng, tay cầm cương, tay nắm chặt đốc kiếm tạo thành vạt chéo tiếp liền khối đá bên yên ngựa.

Cái đẹp của cặp tượng người, ngựa này trước hết là ở bố cục cân xứng, hài hòa về tỉ lệ và khối tượng được chất lọc đến cô đọng. Tuy được tạc liền khối song người xem vẫn cảm nhận được vẻ đẹp tự nhiên, rất thực và sống động của tượng ngựa. Đó là do người nghệ sĩ đã tạo ra được những đường cong hợp lý, chính xác, mềm mại của dáng lưng và mông ngựa cùng những đường lượn ở khuỷu chân. Điều này cho thấy sự nghiên cứu tỉ mỉ về ngựa của nhà điêu khắc. Sự kết hợp khéo léo giữa khối vuông vững chãi ở chân ngựa với khối tròn trên lưng, mông, cổ ngựa cùng với việc mô tả chính xác tỉ lệ tượng và cách điệu các chi tiết như bờm, yên cương ngựa còn tạo cho người xem cảm giác tĩnh và động, thực và ảo, đời thường và sự linh thiêng ở bức tượng này. Đặc biệt là các yếu tố trang trí tinh tế trên lưng, cổ ngựa cho thấy sự cách điệu khéo léo của tác giả. Đôi ngựa ở đây không còn là những chú ngựa bình thường, chúng được làm đẹp, trang hoàng hết sức cầu kỳ: thẳng yên cương tề chỉnh, đầu có gù hoa lớn, cổ đeo sáu chuông nhạc, bộ dây cương, dây đai, hàm thiếc gắn đinh đồng, khuy bạc cầu kỳ... lớp vải lót trên lưng ngựa được trang trí hoa dây khắc nổi hình

khuyên. Sau yên gắn một bông gù lớn, hai bên đeo hai mặt nạ hồ phù có tua chỉ phù dài xuống hông. Về tạo hình tác giả luôn chú ý việc kết hợp giữa những đường cong và đường thẳng: đó là ba đường chạm nổi cong đều trên tấm vải phù yên ngựa đề lên một phần tấm vải phía dưới chạm nổi ba đường gờ hình vuông.

Tất cả những yếu tố tạo hình và khối cho pho tượng người dắt ngựa này đã làm nên vẻ đặc sắc của khối tượng mà ít lăng có được.

- Tượng voi

Voi là loài động vật to khỏe, khi được thuần dưỡng sẽ giúp con người trong việc vận chuyển và trong quân sự. Các triều đại vua chúa Việt Nam đã thành lập những đội tượng binh dũng mãnh và voi được coi là vật biểu trưng cho sức mạnh. Ở Ấn Độ, voi là con vật để cưỡi của thần Indra, thần của các thần. Ở các nước theo Phật Giáo như Thái Lan, Căm Pu Chia... voi trắng là biểu tượng của Đức Phật, là vật cưỡi của Bồ tát “voi biểu trưng cho sự sùng phật cũng như điềm lành khi thế giới xuất hiện đức Phật”. Sự xuất hiện của voi trắng báo hiệu điềm lành.

Ở Thái Lan, Lào, Căm Pu Chia, voi trắng với ý nghĩa cho mưa và mùa màng bội thu. Ở Việt Nam thời Lý, Trần sử cũ đã ghi lại 21 lần voi (nhất là voi trắng) xuất hiện báo hiệu điềm lành. Điều đó cũng phù hợp với tập quán một số nước như Ấn Độ, Champa coi voi là vật có sức mạnh hộ trì quốc gia. Trong lăng mộ, tượng voi nằm phủ phục hai bên đường thần đạo có ý nghĩa trấn giữ. Phía trước khu thờ tự lăng Dinh Hương có một khoảng sân rộng bằng gạch. Trên sân, ngoài cùng có đôi tượng voi bằng đá trong tư thế phủ phục trông hiền lành, thuần phục. Voi nằm trên bệ đá, tạc từ một khối đá lớn, toàn thân căng tròn, vòi cuộn lại, cặp ngà nhô ra ở hai

bên mép ôm lấy vòi, đầu voi thẳng theo trục dọc. Mắt voi mở hẹp tai rộng như hai chiếc quạt. Chiếc đuôi nhỏ xíu vắt sang một bên. So với tượng voi lăng Hộ Ngọ, tượng voi lăng Dinh Hương thô và mộc, có phần kém trau chuốt hơn. Tuy nhiên vẫn có điềm chung trong phong cách tạc tượng voi. Đó là sự đơn giản về hình khối, mình voi thường tròn lẳn, nhẵn nhụi, to khỏe. Yếu tố trang trí duy nhất trên tượng voi là đường chỉ nhỏ song song chạm trên vai và đuôi voi.

- Tượng nghệ

Nghê là một linh thú được tổng hợp từ các con vật thần thoại khác như: mắt, mũi sư tử, râu, bờm, ngọc báu của rồng, mình vẩy cá, chân đầy vẩy xoắn, mây lửa hoặc mây lười mác, túm lông sau khuỷu chân... Nghệ được tạc rất nhiều trong các lăng mộ và đền với dáng ngồi chống chân trước, hoặc phủ phục, bò xoài ra đất, miệng ngậm ngọc, cười thoải mái. Vị trí đặt nghệ trong lăng mộ thường ở hai bên hương án, sập thờ tạo sự linh thiêng cho lăng mộ.

Cặp tượng nghệ ở lăng Dinh Hương có kích thước lớn nhất trong số các tượng nghệ ở lăng mộ vùng Hiệp Hòa, Bắc Giang. Nghệ được tạc trong tư thế ngồi chống chân trước, hai chân sau thu lại, đầu ngẩng cao. Miệng ngậm ngọc cười hả hê trước hương án khu thờ tự, toàn thân phủ đầy vẩy như vẩy cá, đầu có bờm tóc dài chạy xuống gáy. Quanh hàm nghệ là những mây lửa xoắn ốc, dưới cằm là hai lợn râu xoắn hình thừng, chải dài xuống ngực. Hoa vẩy xoắn ốc và mây lửa được chạm hai bên ngực, dưới bắp chân sau chạy dài đến khoeo chân nghệ. Sóng lưng nghệ nổi cao hai bên có hàng vẩy như răng cưa chạy dọc đến sát đuôi chải xoắn thừng vắt lên giáp lưng.

Tuy cầu kỳ, phức tạp trong cách chạm khắc, trang trí nhưng tổng thể nhưng

nghe ở lăng Dinh Hương không có được vẻ khỏe khoắn, sống động như nghe trong lăng họ Ngô. (H 3.8a, 3.8b).

So với đôi nghe ở lăng Dinh Hương, nghe ở lăng họ Ngô ít họa tiết trang trí hơn như nghe ở lăng Dinh Hương, nhưng lại đẹp ở hình khối, cách tạo dáng và vẻ sinh động. Toàn cơ thể nghe là một khối căng tròn, khỏe khoắn luôn trong tư thế sẵn sàng bật dậy. Đặc biệt bàn chân nghe rất đẹp, diễn tả chi tiết đến từng chiếc móng.

- Tượng sáu

Sáu cũng là một linh thú, phổ biến trong các chùa, tháp và lăng mộ. Theo cách gọi dân gian là con sáu nhưng nó còn được gọi là con sóc, “con sáu nghe - sóc”. Trong các tranh cổ Trung Quốc hình ảnh con sóc thường được thể hiện với cây nho, gọi khả năng tốc độ. Về dáng dấp, con vật này quả là có nhiều điểm gần với con sóc... trong điêu khắc Phật giáo Lý, Trần, những con vật này đã biến hẳn thành loài sóc thần với nhiều chi tiết, kết cấu kỳ dị... Trong điêu khắc Phật giáo Việt Nam (con sóc) hàm ý hãy thành tâm, nhanh chóng đến với đạo Phật. Tượng sáu trong chùa, trước cửa tam quan, cửa tháp thường có tư thế đang lao chạy xuống dốc bỗng bắt chột thu chân, ghì mình lại. Nghe và sáu gần giống nhau với thân hình tròn lẳn, có râu tóc, bờm, đuôi dài, mình và chân đầy văn xoắn lười mác hoặc mây lửa, mắt lồi, mũ sư tử, miệng cười ngậm ngọc. So với nghe, sáu có mình nhỏ, thân và đuôi dài hơn, sống lưng nổi cao hơn. Cũng như nghe, sáu là linh vật được tổng hợp từ nhiều con vật thần thoại giống như ở hình tượng rồng, phượng... Sáu trong lăng mộ thường được tạc trong tư thế ngồi chầu hoặc nằm phủ phục tạo sự kỳ bí, linh thiêng cho lăng mộ.

So với sáu lăng họ Ngô, sáu trong lăng Dinh Hương trông hiền lành, ít bí hiểm hơn. Nó giống như đôi thú nhỏ trong

tư thế vờn nhau hai bên sập thờ khu đàn tế. Hai con trong dáng bò xoài, ghéch đầu quay nhìn lên về phía ngai thờ trên cao. Hai con sáu vẫn được tạc theo dáng chung: miệng cười ngậm ngọc. Tuy nhiên đôi sáu này ít cầu kỳ trong họa tiết trang trí trên cơ thể. Mình sáu đề trơn, chỉ chạm nổi hai cụm mây lửa ở phần hông và hai bên vai bốc cao về phía lưng. Dọc hai bên lưng sáu là hoa văn hình răng cưa. Phần đầu cũng hết sức đơn giản, tóc chải ngược ra phía sau thành những lọn dài xoắn lại phía đuôi. Xung quanh miệng chạm nổi những hoa văn xoắn ốc. Phần miệng đặc tả chi tiết hàm răng sáu với hai chiếc nanh sắc nhọn ngậm chặt viên ngọc, miệng cười.

4.2. Phù điêu trang trí.

Trong nghệ thuật điêu khắc lăng mộ, ngoài nghệ thuật điêu khắc tượng tròn còn có nghệ thuật chạm khắc trên kiến trúc, các đồ thờ, thậm chí ngay trên các pho tượng. Nghệ thuật điêu khắc này không những làm đẹp cho công trình kiến trúc, đồ vật trong lăng mà còn góp phần tăng thêm vẻ sinh động, sức gợi tả và cao hơn là ý nghĩa biểu trưng cao quý của tác phẩm. Đề tài được chạm khắc trong điêu khắc lăng mộ vùng Hiệp Hòa, Bắc Giang là những mô típ được đúc rút từ thiên nhiên, cuộc sống và huyền thoại dân gian. Nó không chỉ được khái quát, cách điệu, đẹp về tạo hình mà những mô típ này còn trở thành những biểu trưng mang tính triết lý sâu sắc. Tổng hợp tất cả những hình tượng được trang trí trong các lăng mộ nói chung và lăng mộ Dinh Hương nói riêng thì đó là một bức tranh toàn cảnh về một thế giới mà con người khao khát hướng tới.

- Biểu tượng rồng.

Rồng là một mô típ trang trí phổ biến trên thế giới và nghệ thuật kiến trúc cổ Việt Nam như đình, chùa, đền, lăng mộ. Trải qua hàng trăm năm, rồng vẫn là đề tài hấp

dẫn với những nhà nghiên cứu bởi hình dáng kỳ dị, huyền bí và những nguồn gốc, ý nghĩa phức tạp của nó. Nhưng không ai có thể phủ nhận sức sáng tạo tuyệt vời của con người đã tạo nên hình tượng rồng. Nó hoàn thiện đến mức từ con vật trong tưởng tượng, nó đi vào tâm thức con người như một loài vật có thật và gắn gũi với cuộc sống bởi hình tượng rồng được tổng hợp từ nhiều yếu tố thực lấy từ những con vật khác trong thiên nhiên: mình rắn, vẩy cá, đầu sư tử, móng chim, sừng nai, mũi thú, chân thú, bờm hình mây, mồm ngậm ngọc. Không chỉ nằm trong bộ tứ linh (long, li, quy, phượng) bốn con vật linh thiêng, cao quý, rồng còn có sức biến hóa linh hoạt: có thể đi trên mặt đất (mình lân, chân thú), có thể bơi trong nước (vẩy cá), có thể bay trên không (có bờm, râu hình mây) và trườn trên núi. Và do vậy rồng cũng mang trong mình nhiều ý nghĩa biểu trưng cao quý, biểu trưng cho vua, cho nguồn gốc dân tộc, cho nguồn nước và sự phồn thịnh quốc gia... Điềm lại trong các ghi chép lịch sử đã có hơn 60 lần rồng xuất hiện để báo hiệu các điều lành về sự hưng thịnh của đất nước, về sự xuất hiện vua hiền và việc xây dựng các chùa tháp lớn. Còn trong điêu khắc hầu như di tích nào cũng có đề tài con rồng biểu tượng này chúng ta có thể quan sát thấy ở cặp tượng nghệ trước bàn thờ tự lăng Dinh Hương, chúng được cách điệu thành những cụm mây lửa bốc lên từ khoeo chân bên mình nghệ hay trên tay ngai là những cụm mây xoắn.

- Hồ phù.

Là biểu tượng của loài ác thú, hung dữ giống mặt hổ, sự xuất hiện của hồ phù trong nghệ thuật tạo hình nhằm nâng cao uy lực cho sự linh thiêng. Hồ phù vốn là mặt nạ trừ tà, có nguồn gốc từ mặt thú gần giống mặt hổ, dáng vẻ dữ dội: trán dô cao, mắt lồi, xéch, mũi sư tử, mồm rộng đến mang tai, răng cửa

to, răng nanh dài, nhọn, tai thú, mang xoắn ốc, có những con mắt mọc hai râu dài chạy vòng hai bên cánh mũi, cuộn lại dưới mồm, đôi khi trên trán có chữ vương... Mặt hồ phù với các chi tiết gồ ghề nhằm nhấn mạnh sự hung dữ, trong tạo hình thì biểu hiện này nhằm nâng cao uy lực của thần linh. Được xem là ác thần, hồ phù khi đưa vào nghệ thuật điêu khắc Phật giáo (trang trí trên bộ tượng Phật) có ý nghĩa như một sự chiếu diệu của lực lượng tà trước đạo lý vô biên mà đức Phật và Quan âm là đại diện. Hồ phù đã quy để đem hạnh phúc tới cho người.

Biểu tượng hồ phù xuất hiện cả trước bụng và sau lưng áo hai vị võ quan cầm trùy đứng phía trong cổng lăng Dinh Hương Mặt hồ phù được chạm nổi, sắc nét trong một bố cục gần tròn, xung quanh đường cong lượn như hình hoa bốn cánh. Mặt hồ phù nằm giữa với cái trán cao, to chiếm 2/3 mặt, tai thú xòe sang hai bên, mắt lồi dữ tợn, mũi to, mồm rộng đang nhe nanh sắc nhọn, để lộ hai răng cửa to. Xung quanh mặt hồ phù là những họa tiết mây xoắn. Tuy chỉ chiếm một diện tích nhỏ, vị trí lại khiêm tốn nhưng mặt hồ phù với nét chạm công phu, vẻ kỳ dị của con vật nửa hư nửa thực trên nền chiếc áo phẳng làm tăng thêm sức mạnh, vị trí cho bức tượng quan gác cổng lăng mộ

Không chỉ xuất hiện ở bộ áo các quan hầu, mặt hồ phù còn được chạm khắc trên tấm vải lót yên ngựa lăng Dinh Hương và được chạm trên bốn mặt nhà mộ lăng họ Ngọ. Ở đôi ngựa trong lăng Dinh Hương, phía sau yên ngựa gắn một bông gù lớn nổi cao, hai bên chạm nổi hai mặt hồ phù, mỗi mặt gắn thêm ba quả bông dài ngang bụng ngựa. Vì ở đây chỉ có tính chất trang trí, làm đẹp thêm cho đôi ngựa nên mặt hồ phù được diễn tả hiền lành hơn. Nằm trong một hình gần như hình thoi, mặt hồ phù được dán dài sang hai bên, tai thú nhỏ hơn, mắt lồi hình tròn, dưới mắt chảy

xuống hai sợi râu dài uốn cong đối xứng dưới miệng. Dưới chiếc mũi to bè, miệng hồ phù như đang cười hở hàm răng trên nhưng không có răng nanh. Lúc này họa tiết hồ phù trang trí trên mình ngựa có tác dụng làm tăng thêm vẻ sinh động và lộng lẫy, cũng như sự dũng mãnh của đôi ngựa thiêng trong lăng mộ.

Có thể thấy mô típ hồ phù tùy từng vị trí chạm khắc được cách điệu, biến hóa sinh động cho thêm vẻ bí hiểm, kỳ bí. Về nghệ thuật chạm khắc, họa tiết hồ phù thường được chạm nổi trên bề mặt hiện vật đá. Các khối hình căng tròn, trau chuốt gần với những bức phù điêu... Trên tháp mộ, mặt hồ phù có ý nghĩa trấn giữ, trừ tà.

- *Mô típ mây.*

Mây xuất hiện khá phổ biến trong các công trình kiến trúc cổ. Từ một hiện tượng tự nhiên, mây được cách điệu thành nhiều dạng nhằm diễn tả tầng không cho các đề tài thần thoại, những con vật tưởng tượng: rồng, phượng, nghệ... như mây xoắn đao mác, mây hình khánh với nhịp uốn theo hình sóng... Dạng mây xoắn đao mác thường là một dải mây, một đầu cuộn tròn, đầu kia vuốt nhọn dài như hình ngọn lửa và lượn mềm. Dạng mây này thường đi với hình rồng, phượng, đặc biệt xuất hiện nhiều trên mình tượng nghệ. Nếu đi cùng rồng, phượng, mây diễn tả tầng không trung, không gian bay lượn của loài linh thú này. Khi xuất hiện trên tượng nghệ, mây có tác dụng làm đẹp, tăng thêm sự kỳ lạ, vẻ dữ dội của loài thú tưởng tượng được đặt trong lăng mộ. Nhưng nếu mây đao mác đi cùng mặt trời, nó lại thể hiện tia sáng.

Riêng ở ngai thờ lăng Nội Dinh và lăng Dinh Hương rồng ở hai tay ngai được cách điệu thành những cụm mây xoắn.

- *Nậm rượu, quạt, cuốn thư.*

Bộ Bát bảo (tám vật quý báu) có nguồn gốc từ Trung Quốc. Mỗi một biểu

tượng có một ý nghĩa khác nhau. Cuốn thư là đề cao việc học hành thi cử, chiếc quạt tượng trưng cho sự nhàn rỗi của nho sĩ, còn nậm rượu thể hiện sự suy tư, hàn vi, ẩn dật.

Những tổ hợp bát bảo này là mô típ trang trí chủ yếu của nghệ thuật cung đình Huế. Trong lăng mộ vùng Hiệp Hòa, Bắc Giang xuất hiện ba trong số tám hoa văn kiểu thức bát bảo biểu tượng của đạo Giáo gồm: cuốn thư, nậm rượu, chiếc quạt.

Ba mô típ này xuất hiện trong lăng Dinh Hương trên tám vãi che yên ngựa. Việc trang trí những mô típ này làm lộng lẫy thêm cho đôi ngựa. Về tạo hình nó làm cho tám vãi che yên ngựa thêm sinh động bởi những mô típ đẹp, được thay đổi liên tục lấp đầy khoảng diềm trống bằng vẻ mềm mại, uyển chuyển. Bản thân mỗi mô típ là một bố cục hoàn chỉnh chặt chẽ kết hợp hài hòa giữa họa tiết chính, phụ, khoảng đặc rộng, nét cứng mềm.

- *Văn kỹ hà.*

Là dạng hoa văn phối hợp giữa các đường thẳng và đường ngang, đường cong biến hóa linh động. Nó tạo cho đồ vật được trang trí một vẻ đẹp trang trọng, đặc biệt phù hợp với những bức hoành phi, câu đối, ngai thờ, hương án. Kiểu thức văn kỹ hà là phong cách trang trí nổi bật cho các đồ thờ: sập, hương án, bàn đá, ngai thờ và nhà bia của lăng Dinh Hương. Suốt từ nền đến chân và cột nhà bia, diềm và hai tầng mái nhà bia Dinh Hương đều được chạm nổi văn kỹ hà lồng móc vào nhau trong những khuôn chỉ kéo suốt bốn mặt nhà bia. Tuy cùng một kiểu hoa văn dọc ngang cắt nhau nhưng do chạy theo bề mặt kiến trúc có hình dáng khác nhau điều này làm cho hình trang trí gây cảm giác động và không bị đơn điệu.

Ở sập thờ lăng Dinh Hương, mặt trước và hai hồi sập đều chạm hoa văn lồng

vào nhau. Những đoạn gấp khúc hình vuông đối xứng nhau được tập trung ở giữa và bốn góc mặt trước sập. Kiểu thức này cũng được lặp lại ở hai bàn đá với hoa văn lồng móc vào nhau tập trung ở hai bên thân bàn.

- *Hoa văn chữ T, hoa văn ô trám, hoa văn móc*

Ở chiếc đỉnh hương lăng Dinh Hương, xuất hiện hoa văn kỷ hà theo kiểu văn chữ T trang trí trên toàn thân đỉnh. Dạng hoa văn này tạo nên một dải trang trí liên tục nối tiếp nhau với vẻ đẹp trang trọng, nghiêm cẩn.

Hoa văn ô trám là hình thức ô trám lồng vào nhau tạo thành một hình ô trám nhỏ ở giữa, xen vào đó là những dải mây mềm đang uốn lượn. Đây là mô típ chạm khắc tinh tế trên tấm vải lót yên ngựa ở lăng Dinh Hương. Cùng với các mô típ: cuốn thư, chiếc quạt, hoa văn trám lồng vào nhau tạo cho tấm vải một đường diềm trang trí sinh động, đẹp mắt. Hoa văn hai ô trám lồng vào nhau với dải mây uốn mềm xung quanh được chạm ở lưng ngai thờ lăng NộiDinh.

Hoa văn móc là dạng hoa văn thường được trang trí trên tấm vải lót yên ngựa. Giữa tấm vải chạm nổi dạng văn hình chiếc khánh, xoắn tròn hai đầu, những hoa văn này được chạm kế tiếp nhau, phần đầu xoắn vào nhau tạo thành hình chiếc móc. Hầu hết tượng ngựa trong lăng mộ Hiệp Hòa, Bắc Giang đều sử dụng mô típ này. Đẹp và trau chuốt nhất vẫn là hoa văn móc ở trên lưng đôi ngựa lăng Dinh Hương..

- *Văn tự Hán*

Trong nghệ thuật điêu khắc lăng mộ, bên cạnh việc chạm khắc các họa tiết trang trí như rồng, phượng, hoa lá còn có nghệ thuật khắc chữ. Chủ yếu là khắc chữ trên bia nhằm ghi công những vị vua quan, những người đã khuất. Hình thức này xuất hiện trong lăng mộ từ thời Lê nổi tiếng với tấm

bia Vĩnh Lăng. Trên phiến đá hình khối chữ nhật nửa trên hình bán viên, xung quanh chạm khắc diềm hoa văn, rồng phượng cách điệu, uốn lượn mềm mại, phần chữ được khắc giữa bia. Đây chính là phần dành cho nghệ thuật thư pháp. Theo quan niệm của tri thức phong kiến chữ đẹp trở thành một biểu hiện cốt cách của quân tử, kẻ sĩ...

Đặc biệt ở lăng Dinh Hương mặt trước án thờ có khắc chữ như một tấm bia ghi công trạng của La quận công được kết hợp với những hoa văn kỷ hà chạm nổi to vuông vức chạy ngang dọc. Nghệ thuật khắc chìm chữ “chân” với nét chạm thanh mảnh, ngay ngắn cân xứng theo từng hàng dọc như một mô típ trang trí làm đẹp thêm án thờ vừa có giá trị nghệ thuật vừa có giá trị ghi công vị quan để lưu lại mãi với thời gian.

Trong nhà bia lăng Dinh Hương, chữ Hán còn được chạm khắc trên bốn cột (cả hai mặt) bốn đôi câu đối mỗi mặt chạm nổi bảy chữ khổ lớn chạy dọc thân cột tạo ra một dạng hoành phi câu đối bằng đá đục đào. Kiểu thức này cũng lặp lại ở nhà bia lăng Nội Dinh, cùng với dạng câu đối chạm nổi hai mặt, ở mỗi cột nét chữ sắc nhọn bay bổng như bức tranh thư pháp.

Với bốn dạng thức trong nghệ thuật viết chữ Trung Quốc: “Chân, Thảo, Triện, Lệ”, hai dạng chữ “Chân” (nét ngang bằng sổ thẳng, cân xứng trong những bố cục hình vuông và hình chữ nhật) và chữ “Thảo” (nét thoáng hoạt liên tục thay đổi chữ thanh, chữ đậm) thường được lấy để chạm khắc trong văn bia, hương án, cổng lăng mộ của Việt Nam bởi dạng chữ này phù hợp với một khu lăng mộ có tính tưởng niệm, ghi lại dấu tích, công đức người đã mất. Qua đó thấy được bàn tay tài hoa của người nghệ sĩ khi chạm trên đá vẫn tạo được sự thanh thoát, bay bổng của nét chữ mà vẫn giữ nguyên được nghệ thuật thư pháp như của bút lông viết trên giấy.

4.3. Chất liệu đá trong nghệ thuật điêu khắc lăng Dinh Hương.

Các tượng trong lăng Dinh Hương giống như tượng các lăng khác thuộc thế kỷ XVIII, đều được tạc bằng chất liệu đá có sẵn trong tự nhiên, có đặc tính bền trước sự tác động của thời tiết. Các tượng trong lăng luôn tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng tự nhiên, được chiếu từ một phía hướng về mặt trời với cường độ mạnh, do đó, tạo khối sáng tối rõ ràng. Lại do hai hàng tượng song hành đối nhau, phản sáng của hàng tượng bên này lại là phần tối của hàng tượng bên kia, vì thế, nếu đứng ở bất cứ điểm nào để quan sát tổng thể - nhất là đứng ở trên đường thần đạo, chúng ta đều thụ cảm được vẻ đẹp bổ sung nhau để có được hình ảnh hoàn chỉnh về từng đối tượng và cả tổng thể.

Do ưu thế về mặt chất liệu, từ hàng ngàn năm lịch sử, con người đã ưa dùng đá như một vật thể thiêng, do vậy, những tác phẩm điêu khắc đá trong các di tích lịch sử có một giá trị hết sức đặc biệt. Với chất liệu truyền thống của lăng mộ thế kỷ XVIII, giống như ở các lăng khác, tượng lăng mộ Dinh Hương được làm bằng đá, một chất liệu tự nhiên quen thuộc trong kiến trúc cổ Việt Nam. Chất liệu đá trong điêu khắc cổ Việt Nam chủ yếu tạc nên tượng Phật, tượng La Hán, tượng linh thú, những tượng này được đặt trong các ngôi đền, chùa, lăng tẩm... Đá cũng được dùng để chạm khắc các bức phù điêu với nội dung chủ yếu kể về tích truyện, huyền thoại, truyền thuyết của Phật và các vị thần linh, cũng có khi đó lại là các bức tranh sơn thủy hữu tình. Hầu hết các bức phù điêu đá đều có hoa văn trang trí cách điệu rất đẹp mắt và sinh động.

Sở dĩ đá được sử dụng đa dạng như vậy bởi vì nó là một chất liệu có độ bền cao, chịu được nhiều loại thời tiết khắc nghiệt. Hơn nữa, nó cũng là một chất liệu dễ tạo

hình, gây cảm hứng cho người sáng tác. Bản thân đá đã có một sắc màu tự nhiên vừa hoang sơ, vừa sinh động nên người ta không nhất thiết phải sơn son thếp vàng cho nó nữa. Những công trình kiến trúc, những bức tượng, phù điêu... được làm từ đá trông rất có hồn, chân thực, bởi nó là sản phẩm của một quá trình lao động sáng tạo của nghệ nhân với trình độ thẩm mỹ điêu luyện.

Tượng trong lăng mộ thế kỷ XVIII ở Bắc bộ nói chung, ở lăng Dinh Hương nói riêng, là tượng ngoài trời gắn với môi trường. Chất liệu đá xanh của tượng cùng chất liệu đá ong ẩm áp, mang màu sắc ấm nóng tạo nên một mối quan hệ tương phản về chất liệu và trở thành sự kết hợp hoàn hảo giữa chất liệu trên núi cao với chất liệu lấy từ đồng bằng. Khác với các tượng thờ trong chùa và trong đền, điêu khắc trong lăng hoàn toàn vận động tự thân từ chất đá xanh hơi lạnh với đá ong ẩm áp, mộc mạc thuần khiết, từ ánh sáng mặt trời trong trẻo, từ không khí đồng quê đơn sơ, từ hương đồng nội với tiếng chim..., tất cả đều chan hòa, quyện lại như bức tranh sơn thủy đất trời bày sẵn mà con người chỉ điểm thêm, nhấn nhá, để làm nổi bật trọng tâm, tạo ra những đốm sáng trong toàn cảnh.

Nhìn chung chất liệu đá trong điêu khắc nghệ thuật lăng Dinh Hương kế thừa ít nhiều cách xây dựng các khu mộ vua chúa, quan lại trong lịch sử phong kiến ở những phương diện sau:

- Chất liệu đá có tính bền vững cao, phần nhiều chất liệu này dành để xây dựng các công trình cho những người có địa vị cao trong xã hội hoặc gia đình giàu có. (biểu hiện vị trí xã hội của người quá cố)

- Đá là nguyên liệu xây dựng có tính "thiên nhiên" do phải mất hàng triệu năm mới tích tụ linh khí trời đất mới hình thành ra, là nơi cư ngụ của các vị thần, cho nên các công trình lớn quy mô đều dùng đá với ý

nghĩa vững bền với thời gian, với người chết là mong muốn an nghỉ mãi mãi.

- Đá là chất liệu hoàn hảo để chế tác các tác phẩm nghệ thuật ngoài trời, do các đặc tính tự nhiên sẵn có: cứng mà vẫn đảm bảo thuận lợi cho các hoạt động chạm khắc, chịu lực tốt, chống thấm, ít tác động tiêu cực do thời tiết.

V. Kết luận

1. Lăng mộ và sinh từ của các vua chúa và quan lại là một loại hình kiến trúc phát triển khá phong phú và đặc sắc vào thế kỷ XVII- XVIII, nằm rải rác ở khắp các tỉnh thành của cả nước, nhưng nhiều nhất ở các tỉnh phía Bắc như: Bắc Giang, Hà Tây (Hà Nội ngày nay), Hưng Yên, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa... Điểm nổi bật lăng mộ giai đoạn này là lăng của các vị quan lại, thái giám.

2. Điều khắc lăng Dinh Hương đã khẳng định vai trò quan trọng của nó qua việc xác lập giá trị thẩm mỹ cũng như giá trị tinh thần cho lăng mộ. Điều khắc lăng Dinh Hương đã mô phỏng lại trật tự của triều đình với mong muốn tiếp tục duy trì quyền lực của chủ nhân sau khi chết.

3. Ấn ý sâu sắc nhất trong kiến trúc và nghệ thuật điều khắc lăng Dinh Hương là ý tưởng về sự hư ảo của thế giới bên kia. Tất cả đều biểu hiện một cách ẩn dụ nhất quán từ kiến trúc, điều khắc, phong cách lần đề tài, cách sắp đặt tượng tạo không gian, các mô típ trang trí..

4. Phong cách tạo tác tượng lăng Dinh Hương cũng là sự kết hợp giữa tả thực và cách điệu tạo nên cái hư, cái thực đan xen trong từng tác phẩm điều khắc. Ngay cách sắp đặt, tỉ lệ lớn, nhỏ, chiều cao, thấp, điểm nhìn xa, gần... của các bức tượng cũng tạo ra cái hư ảo.

5. Có thể thấy toàn bộ hệ thống điều khắc tượng trong lăng Dinh Hương có một

phong cách chung là giàu chất hiện thực, tư thế trang nghiêm, đối xứng, tĩnh lặng với ý nghĩa phục vụ người chết.

6. Lăng mộ là sự phản ánh những ước vọng về cuộc sống tư tưởng Nho - Đạo - Phật dung hòa trong đời sống tinh thần con người. Trong đó điều khắc đóng vai trò chủ đạo trong việc tạo không gian cũng như sắc thái riêng của từng lăng mộ biểu hiện một cách sâu sắc về thế giới của con người sau khi chết.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Lâm Biền (2000), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[2]. Đặng Thị Phong Lan (2003), *Nghệ thuật điêu khắc lăng mộ thế kỷ XVII, XVIII ở Hiệp Hòa, Bắc Giang*, Luận văn Thạc sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật.

[3]. Dương Quang Luân (2003), *Hiệp Hòa phong thổ ký*, Nxb Hội nhà văn.

[4]. Nguyễn Đức Năng (1978), *Mỹ thuật Thời Lê Sơ*, Nxb Văn Hóa Hà Nội.

[5]. Lê Tạo (2006), *Nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hóa*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Viện Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Nxb Thuận Hóa.

[1] Phan Cẩm Thượng (1997), *Điều khắc cổ Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật. Hà Nội.

trúc dân gian truyền thống Việt Nam, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.

[2] Thái Bá Vân (1995), *Tiếp xúc với nghệ thuật*, Viện Mỹ thuật Việt Nam, Hà Nội.

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội

Email: vuhiep1301@gmail.com

